

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/3/2022
V/v Tranh chấp tài sản sau khi ly
hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số 203/2021/TLST - HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc “ Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/02/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công L (tên gọi khác Lê Văn L), sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương (có mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương (có mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo sự uỷ quyền của bà K2 tại Giấy uỷ quyền ngày 20 tháng 10 năm 2021: ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương (có mặt);

3.3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969

3.4. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1970

Địa chỉ điều ỏ: Thôn K1, xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

NỘI D VU ẮN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Lê Công L kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H1, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Ngày 08/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Giao con chung Lê Công Tuấn A, sinh ngày 18/5/2005 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh L tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, giữa chị và anh L không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung dẫn đến tranh chấp.

Ngày 20/10/2021, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng. Chị xác định trong quá trình chung sống, chị và anh L đã tạo dựng được khối tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng bằng gạch đỏ, mái lợp proxy măng và hệ thống công trình phụ trên đất của bố mẹ chị; 01 bộ đồ nghề làm bánh sinh nhật. Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản vặt khác, giá trị không lớn, chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị được chia bằng hiện vật, chị sẽ có trách nhiệm trích trả chênh lệch tài sản cho anh L bằng tiền. Đối với quyền sử dụng đất mà vợ chồng làm nhà trên đất có nguồn gốc là đất ao của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị K2 (là bố mẹ đẻ chị) cho mượn. Chị đề nghị trả ông M và bà K2 quyền sử dụng đất nói trên. Ông M và bà K2 phải trả cho chị và anh L giá trị san lấp và công sức duy trì, tôn tạo từ năm 2000 cho đến nay. Chị xác định chị và anh L không có nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai đương sự và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Công L trình bày:

Anh và chị K kết hôn năm 2000. Cuối năm 2000, ông Nguyễn Văn M (bố đẻ chị K) có tuyên bố cho vợ chồng một cái ao, diện tích cụ thể, anh không rõ. Thửa ao này có một cạnh giáp đường thôn xã H, đằng sau là đất thổ của ông M, một cạnh giáp với ngõ đi vào nhà ông Nguyễn Văn Nhữ, ông Nguyễn Văn M (là anh em ruột của ông M), một cạnh giáp nhà bà Uân. Khi cho, ông M chỉ tuyên bố bằng miệng, không lập thành văn bản. Đầu năm 2001, vợ chồng có san lấp cát toàn bộ diện tích đất ao nói trên để làm nhà. Người trực tiếp san lấp cát là ông Nguyễn Văn Sinh và ông Bườn (người cùng ở xóm 1, thôn K1). Diện tích san lấp cụ thể như thế nào anh không nắm rõ. Chi phí san lấp do mẹ anh chi trả.

Lý do mẹ anh chi trả là vì: Do anh vừa mới kết hôn điều kiện kinh tế không có. Mặt khác, ông M cho quyền sử dụng đất nên mẹ anh cho công đầu tư.

Sau khi san lấp xong, vợ chồng đã xây được 01 căn nhà cấp 4 bằng gạch chi, lợp ngói broximăng diện tích lòng 28 m², 01 nhà phụ chung tường với nhà chính, xây bằng gạch đỏ lợp bro (anh dùng làm nơi cất tóc và bếp). Năm 2008, vợ chồng có đổi cho ông M phần đất đã san lấp bên cạnh nhà để lấy diện tích đất liền ở phía sau nhà để đất có chiều sâu. Phần đất ao, san lấp đổi cho ông M, ông M chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M (là em trai ông M). Đầu năm 2011, vợ chồng cải tạo bếp thành phòng ngủ và xây công trình phụ nối vào nhà chính. Chi phí xây nhà lần đầu do mẹ anh chi trả, cụ thể bao nhiêu anh không nắm rõ. Chi phí xây công trình phụ lần thứ 2 là do vợ chồng chi trả, cụ thể là 47.000.000 đồng. Người xây nhà lần đầu có ông Nguyễn Văn M (bố vợ làm chủ), ông Nguyễn Văn Nhữ, ông Nguyễn Văn Thịnh, ông Phạm Văn Hoa (bác rể), anh Nguyễn Văn Đĩnh (đều là người cùng xã). Người trực tiếp xây dựng cho vợ chồng anh lần thứ 2 là ông Hương, ông Nguyễn Văn Tăng, anh Nguyễn Văn Đĩnh, một phần có cả ông Nguyễn Văn M. Nguyên vật liệu sắt, xi măng, tấm lợp là mua của ông Nguyễn Văn Thanh ; còn gạch, cát xây, vôi...là mua của ông Nguyễn Văn Sinh..

Anh xác định tài sản chung của anh và chị K gồm 147,6 m² đất, toàn bộ công trình xây dựng trên đất (như kết quả đo vẽ thẩm định ngày 24/12/2021), 01 bộ làm bánh sinh nhật. Ngoài ra, vợ chồng anh không có tài sản nào khác. Anh đề nghị chia ½ trị giá khối tài sản trên và xin hưởng bằng tiền.

Tại biên bản ghi lời khai đương sự và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất ao mà anh L, chị K đang sử dụng và có tranh chấp là của bố đẻ ông là Nguyễn Văn Tợn (chết năm 1989), mẹ đẻ ông là Trịnh Thị Viêng (chết năm 1996) cho vợ chồng ông vào năm 1979. Ông đã kê khai quyền sử dụng đất ao từ đó đến nay nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông xác định quyền sử dụng đất ao là của vợ chồng ông không liên quan đến ai khác.

Năm 2000, ông đã cho vợ chồng chị K và anh L mượn quyền sử dụng đất ao để lấy chỗ làm ăn. Tổng diện tích đất ao là 40 m². Anh L và chị K đã lấp hết ao và xây hết 20 m² để làm nhà ở và công trình phụ.

Ông xác định tài sản trên đất là của vợ chồng anh L và chị K. Còn về đất, ông yêu cầu anh L và chị K phải trả lại quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả giá trị tài sản và tiền công san lấp cho anh L và chị K.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 10/12/2021, ông Nguyễn Văn Nhờ, bà Nguyễn Thị Đào, bà Nguyễn Thị Bùi, bà Nguyễn Thị Ngọt, ông Nguyễn Văn M xác nhận: Các ông bà là anh, chị, em ruột của ông Nguyễn Văn

M. Các ông, bà xác nhận quyền sử dụng đất ao mà ông M đang tranh chấp với anh L là tài sản của ông M. Các ông bà không có tranh chấp gì và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/12/2021, bà Nguyễn Thị Hương xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Lê Công L, bà không có quyền lợi gì trong khối tài sản chung của anh L, chị K; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2021 Ông Lê Thanh Cảnh - công chức địa chính xã H cung cấp:

Theo bản đồ, sổ mục kê lập năm 1984 (chỉ thị 299) thửa đất đang tranh chấp nằm trong thửa 99 diện tích 205 m² loại đất thổ cư và thửa 100 tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 106 m² loại đất ao đều đăng ký mang tên ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn Tợn (bố đẻ ông M) đứng tên sử dụng thửa 98 tờ bản đồ số 07 diện tích 81 m² loại đất thổ cư.

Theo bản đồ đo đạc năm 1997 và sổ mục kê lập năm 1997 thửa đất đang tranh chấp nằm trong thửa 229 diện tích 250 m² đất thổ cư và thửa 230 diện tích 141m² đất ao đều ghi tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn M. Hình thể, kích thước của thửa 229, 230 có sự thay đổi vì ông M được ông Tợn cho thửa 98 diện tích 81 m². Khoảng năm 2001, ông M cho chị K, anh L mượn một phần thửa đất 229, 230 để chị K, anh L san lấp, tôn tạo xây nhà. Chị K, anh L xây nhà và ở trên đất đó cho đến nay. Nhà của chị K, anh L nằm ở phía tây thửa đất của ông M. Còn phần đất phía đông ông M bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M.

Theo bản đồ, sổ mục kê năm 2010: Phần đất có ngôi nhà đang có tranh chấp giữa chị K, anh L nằm trong thửa đất số 116 tờ bản đồ số 32 diện tích 392 m² loại đất ở nông thôn đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn M, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ lưu trữ tại xã không có tài liệu nào thể hiện ông M tặng cho hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho chị K, anh L.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đều đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển hồ sơ Tòa án sang Viện kiểm sát chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 38, 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự:

Buộc ông M, bà K2 phải trả cho anh L, chị K số tiền công san lấp ao trị giá 20.250.000 đồng; tiền công trình trên đất trị giá 180.740.000 đồng. Xác định tài sản chung của anh L, chị K tổng tài sản 231.990.000 đồng. Phân chia cho anh L, chị K mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản có giá trị bằng tiền, giao cho chị K nhận tài sản bằng hiện vật là bộ đồ nghề làm bánh, chị K có trách nhiệm trả cho anh L tiền chênh lệch.

Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Một số người có quyền lợi liên quan, người làm chứng có quan điểm đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ tài sản chung:

[2.1] Những tài sản chị K, anh L thống nhất được gồm: nhà, công trình phụ xây dựng trên đất, 01 bộ đồ làm bánh sinh nhật. Đây là sự kiện pháp lý không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 24/12/2021 những tài sản chị K, anh L thống nhất được có giá trị như sau:

- + 01 nhà chính trị giá 77.771.000 đồng;
 - + 01 quán cắt tóc trị giá 26.681.000 đồng;
 - + Nhà bếp, nhà vệ sinh, phòng ngủ trị giá 44.908.000 đồng;
 - + 01 mái tôn xà gồ thép nối giữa nhà chính và bếp, nhà vệ sinh, phòng ngủ trị giá 10.000.000 đồng;
 - + 01 mái brôximăng xà gồ thép trị giá 1.577.000 đồng;
 - + Tường bao gạch babanh giáp nhà ông M trị giá 2.119.000 đồng;
 - + Tôn phủ trên tường trị giá 4.067.000 đồng
 - + Tường gạch ba banh bên trái nhà trị giá 7.325.000 đồng;
 - + Sân bê tông nối nhà chính với quán cắt tóc, bếp trị giá 6.057.000 đồng;
 - + Mái brôxi măng trước cửa nhà chính trị giá 235.000 đồng;
 - + 01 bộ đồ làm bánh sinh nhật gồm tủ trưng bày, máy đánh kem, máy đánh trứng, lò nướng, các phụ kiện khác đi kèm trị giá 31.000.000 đồng;
- Cộng bằng 211.740.000 đồng;

[2.2] Tài sản chị K và anh L không thống nhất được là quyền sử dụng đất chị K và anh L đang sử dụng (Theo hồ sơ đất năm 2010 là thửa 116 tờ Bản đồ sơ 32 xã H).

Anh L cho rằng quyền sử dụng đất nói trên ông Nguyễn Văn M đã cho anh và chị K sử dụng nhưng anh không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho quan điểm của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong khi đó, ông M và chị K không thừa nhận; xác minh tại UBND xã H thể hiện từ năm 1984 cho đến nay chủ sử dụng đất vẫn mang tên ông Nguyễn Văn Mạnh, không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện việc ông M tặng cho hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho chị K, anh L nên quan điểm của anh L không có căn cứ chấp nhận. Nay ông M có yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất có cơ sở được chấp nhận.

Mặc dù, chị K, anh L là người san lấp ao và làm nhà, sinh sống trên thửa đất này từ năm 2000 cho đến nay nhưng không thỏa mãn các điều kiện của Án lệ số 03, không có căn cứ xác định thửa 116 là tài sản của chị K, anh L.

[2.3] Xem xét về công sức của chị K và anh L

Mặc dù, ông M được trả lại quyền sử dụng đất nhưng cần buộc ông M, bà K2 phải thanh toán cho chị K, anh L giá trị vượt lập và công sức duy trì, trông nom quyền sử dụng đất.

Do các đương sự không đưa ra được số liệu cụ thể về diện tích đất san lấp, Hội đồng xét xử căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1997 diện tích đất ao là 141 m². Các đương sự đều thừa nhận chiều dài ao sát đường thôn và có chiều sâu là 1,5m. Theo sơ đồ hiện trạng kèm theo Biên bản thẩm định ngày 24/12/2021 chiều dài ao được xác định là 15,52m, vậy chiều rộng ao là 9,1m. Phần diện tích đất của chị K, anh L đang sử dụng có chiều dài mặt đường là 9,05m, chiều rộng là 9,1 m, xác định chị K và anh L đã san lấp được 9,05m x 9,1m x 1,5m = 123,5 m³. Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 24/12/2021, giá trị vượt lập của chị K, anh L trị giá 123,5 m³ x 150.000 đồng/m³ = 18.525.000 đồng.

Hiện nay, chị K anh L đang sử dụng 147,6m² đất (trong đó có 82,3m² ao, 65,3m² đất thổ cư). Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 24/12/2021 giá trị quyền sử dụng đất chị K, anh L đang sử dụng là: 82,3 m² ao x 5.000.000 đồng/m² = 411.500.00 đồng; 65,3 m² đất thổ cư x 8.000.000 đồng/m² trị giá 522.400.000 đồng, tổng bằng 933.900.000 đồng. Với giá trị quyền sử dụng đất tương đối cao, thời gian chị K, anh L ở trên đất dài (20 năm). Do vậy, cần buộc vợ chồng ông M, bà K2 phải án trích công sức duy trì, trông nom quyền sử dụng đất cho chị K, anh L là 200.000.000 đồng.

[2.4] Với sự phân tích ở trên, giá trị tài sản chung của chị K, anh L tổng cộng là: 211.740.000 đồng + 18.525.000 đồng + 200.000.000 đồng = 430.265.000 đồng.

[2.5] Xét công sức đóng góp của chị K, anh L để tạo dựng lên khối tài sản chung vợ chồng là ngang nhau, mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung tương ứng 215.132. 500 đồng.

[2.6] Về việc phân chia tài sản cụ thể như sau:

Trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, anh L có quan điểm không nhận hiện vật, xin được hưởng bằng tiền. Sự tự nguyện của anh L không trái pháp luật và đạo đức xã hội được ghi nhận. Do vậy:

+ Buộc chị K, anh L trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K2 quyền sử dụng 147,6 m² đất tại thửa 116 tờ Bản đồ số 32 xã H trên đất có nhà cấp 4 và hệ thống công trình phụ (do chị K, anh L xây dựng) trị giá 180.740.000 đồng;

+ Giao cho chị K sở hữu bộ đồ làm bánh trị giá 31.000.000 đồng; Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K2 phải thanh toán trả cho chị K giá trị tài sản trên đất, công sức vượt lập, công sức duy trì trông nom quyền sử dụng đất là 184.132.500 đồng;

+ Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K2 phải thanh toán trả cho anh L giá trị tài sản trên đất, công sức vượt lập, công sức duy trì trông nom quyền sử dụng đất là 215.132. 500 đồng.;

(Việc phân chia có sơ đồ kèm theo)

Ông M, bà K2 được trả quyền sử dụng đất phải hợp thức hóa quyền sử dụng đất với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Việc thi hành án thực hiện theo Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Điều 357 Bộ luật dân sự.

[2.8] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí, lệ phí Tòa án: Chị K, anh L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự tương ứng với trị giá tài sản mà mình được chia.

Ông M, bà K2 cao tuổi không phải nộp án phí sơ thẩm dân sự;

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị K tự nguyện chịu cả không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 29, 33, 37, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều 147, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của chị Nguyễn Thị K.

2 - Xác nhận khối tài sản chung của chị K, anh L gồm: nhà, công trình phụ xây dựng trên 147,6 m² đất tại thửa 116 tờ Bản đồ số 32 xã H, 01 bộ đồ

nghề làm bánh sinh nhật; công sức vượt lập và công sức duy trì, trông nom quyền sử dụng đất trị giá 430.265.000 đồng. Mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá khối tài sản chung là 215.132. 500 đồng.

3 - Buộc chị K, anh L phải trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K2 quyền sử dụng 147,6 m² đất tại thửa 116 tờ Bản đồ số 32 xã H đo vẽ năm 2010 (trên đất có nhà và hệ thống công trình phụ do chị K, anh L xây dựng) theo hình GHEF sơ đồ 1 trị giá 180.740.000 đồng;

Giao cho chị K sở hữu bộ đồ làm bánh trị giá 31.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K2 phải thanh toán trả cho chị K một phần giá trị tài sản trên đất, công sức vượt lập, công sức duy trì trông nom quyền sử dụng đất là 184.132.500 đồng;

Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K2 phải thanh toán trả cho anh L một phần giá trị tài sản trên đất, công sức vượt lập, công sức duy trì trông nom quyền sử dụng đất là 215.132. 500 đồng.;

(Việc tách trả quyền sử dụng đất có sơ đồ kèm theo)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả được thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4 - Về án phí:

Chị K phải nộp 10.756.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối trừ đi 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số 0003271 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà. Chị K còn phải nộp tiếp 9.256.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh L phải nộp 10.756.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Duy Phú

